

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 01/2024/HC-ST
Ngày 09 – 01 – 2024
V/v Kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thuần.

2. Ông Phạm Hữu Dụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa : Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 136/2023/TLST-HC ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “*Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐST-HC ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2023/QĐST-HC ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Đăng B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đường TQC, phường TL, thành phố M, tỉnh Đăk Lăk; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố M

Địa chỉ: Đường LNĐ, thành phố M, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố M; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Bà Vũ Thị Thanh V - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Tiến M1 – Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi

trường thành phố M; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người khởi kiện ông Trần Đăng B trình bày:

Nguyên trước đây gia đình tôi và bà Cao Thị A có tranh chấp thửa đất có diện tích là 252,6m². Việc tranh chấp đã được UBND tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo quyết định số 2611/QĐ-UB ngày 18 tháng 11 năm 2005 (đây là quyết định cuối cùng đã có hiệu lực thi hành).

Căn cứ vào điều 3 của quyết định 2611/QĐ-UB của UBND tỉnh Đắk Lắk, đối chiếu với điểm d khoản 1 điều 99 và khoản 3 điều 100 luật đất đai 2013, tôi cho rằng gia đình tôi đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy tôi đã tiến hành làm thủ tục xin được cấp trích lục thửa đất tại UBND phường TL.

Địa chính Phường yêu cầu gia đình tôi làm hợp đồng với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, đo đạc lại diện tích thực tế lô đất. Ngày 22/10/2020 tôi đã ký hợp đồng đo đạc số 5852/HD-CNBMT nhưng không được nhận kết quả để hoàn thiện hồ sơ do bà Cao Thị A (người tranh chấp trước đây) không ký giáp ranh. Vì vậy ngày 15/11/2021 tôi đã làm đơn khiếu nại lên Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố M.

Ngày 07/12/2021, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố có công văn trả lời và hướng dẫn liên hệ với Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 9/12/2021, gia đình tôi được cán bộ địa chính phường TL hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cán bộ địa chính phường đã gửi hồ sơ lên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M, người tiếp nhận hồ sơ là anh C.

Ngày 21/4/2022, tôi đã gửi đơn đề nghị giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, vì thời gian chờ đợi quá lâu nhưng không nhận được thông tin phản hồi.

Ngày 21/5/2022, tôi đến phòng Tài nguyên và Môi trường gặp và trao đổi trực tiếp với cán bộ nhận, xử lý hồ sơ của gia đình tôi là anh N và anh C. Trong quá trình trao đổi, hai bên đã không đồng thuận về quan điểm giải quyết, cụ thể họ yêu cầu chờ đợi để Phòng TN&MT tham mưu UBND Thành phố ra quyết định giao đất sẽ tiến hành thủ tục cấp GCNQSDĐ, trong khi tôi cho rằng lô đất trên UBND Tỉnh đã giao cho gia đình tôi sử dụng, theo quyết định giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đến đất đai số 2011/QĐ-UB ngày 18/11/2005 nên việc tham

muu cho Thành phố ra quyết định giao đất lần thứ hai là trái với quy định pháp luật vì trên cùng một thửa đất không thể có hai cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giao đất được. Tôi yêu cầu được trả lời bằng văn bản nhưng không nhận được phản hồi liên quan.

Ngày 31/5/2022, tôi đã gửi đơn kiến nghị lên UBND thành phố M xin được giải quyết việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai hiện hành.

Ngày 08/6/2022, tôi nhận được công văn trả lời của UBND Thành phố với nội dung “Giao phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý đơn theo quy định của pháp luật. Nếu vượt thẩm quyền báo cáo đề xuất, tham mưu UBND Thành phố xem xét, giải quyết, trả lời công dân và gửi Ban tiếp công dân Thành phố (Tổng hợp) trước ngày 15/6/2022” nhưng đến nay vẫn không nhận được thông tin giải quyết.

Bản thân tôi cho rằng việc trì hoãn, từ chối việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do không chính đáng, không trả lời khiếu nại của công dân của Thành phố làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình chúng tôi.

Do đó, tôi khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc Ủy ban nhân dân thành phố M thực hiện việc giao đất và thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 2611/QĐ – UB của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 18 tháng 11 năm 2005 và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Đất đai.

2. Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố M:

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố M đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Đến ngày 08 tháng 01 năm 2024 người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố M làm bản tự khai đề nghị ông B đến UBND phường TL để được hướng dẫn đăng ký hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời giao cho UBND phường TL tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Đăng B theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Sau khi hoàn thiện hồ sơ theo trình tự thủ tục, UBND thành phố xem xét giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người khởi kiện đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng B. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố M phải thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đăng B theo Điều 3 Quyết định số 2611/QĐ – UBND ngày 18/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Riêng đối với người bị kiện đã không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 55 Luật Tố tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ của người bị kiện tại Điều 57 Luật Tố tụng hành chính, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk sẽ kiến nghị sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Hoàng Tiến M1 có đơn xin xét xử vắng mặt và bà Vũ Thị Thanh V vắng mặt lần thứ hai nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về thẩm quyền: Ông Trần Đăng B khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc Ủy ban nhân dân thành phố M tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông theo quy định của Luật Đất đai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/6/2022, ông Trần Đăng B khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc Ủy ban nhân dân thành phố M tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Trần Đăng B theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 và khoản 3 Điều 100 Luật đất đai. Ngày 18/7/2022, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án

số 134/2022/TLST – HC. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông Trần Đăng B tự nguyện rút toàn bộ đơn khởi kiện. Ngày 20/9/2022, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 55/2022/QĐST – HC. Ngày 03/7/2023, ông Trần Đăng B nộp đơn khởi kiện lại vụ án là trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Ngày 22/10/2020, ông Trần Đăng B ký hợp đồng đo đạc, chỉnh lý thửa đất với Chi nhánh văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố M.

Ngày 07/12/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố M ban hành Công văn số 4080/CNBMT – KTĐC hướng dẫn ông Trần Đăng B liên hệ phòng Tài nguyên và môi trường thành phố M để được hướng dẫn giải quyết theo quy định.

Ngày 31/5/2022, ông Trần Đăng B có đơn kiến nghị gửi UBND thành phố M đề nghị hướng dẫn cấp GCNQSD đất cho gia đình. Ngày 08/6/2022, UBND thành phố M ban hành Công văn số 2047/UBND – VP với nội dung: Giao phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến nay Ủy ban nhân dân thành phố M vẫn chưa có văn bản trả lời, hướng dẫn ông Trần Đăng B thực hiện các thủ tục để được cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật. Do đó, ông Trần Đăng B khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc Ủy ban nhân dân thành phố M phải cấp GCNQSD đất cho ông theo quy định của pháp luật.

[4.2]. Xét nguồn gốc đất hiện nay ông Trần Đăng B đang quản lý, sử dụng, HĐXX nhận định như sau:

Diện tích đất 252,66m² hiện nay gia đình ông Trần Đăng B đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc là đất tranh chấp giữa ông Trần N (bố đẻ ông Trần Đăng B) với bà Cao Thị A từ năm 1997.

Quá trình giải quyết tranh chấp, ngày 18 tháng 11 năm 2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2611/QĐ – UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị A. Tại Điều 3 của Quyết định nói trên có nội dung:

“Gia đình ông Trần Đăng B đã chiếm 252,66 m² đất công cộng, diện tích đất này phải thu hồi về cho Nhà nước, nhưng xét thấy: Gia đình ông Trần Đăng B đã xây dựng nhà ở từ năm 1997 đến nay, đồng thời khu vực này thuộc diện quy hoạch khu dân cư, nên giao lô đất này cho gia đình ông Trần Đăng B sử dụng và thu tiền đất theo giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Giao trách nhiệm cho UBND thành phố M thực hiện việc giao đất và thu tiền đất đối với hộ ông Trần Đăng B theo quy định trên”.

Tại thời điểm tranh chấp, hộ bà Cao Thị A và hộ ông Trần Nghiênn đều chưa có GCNQSD đất nên theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai năm 1993 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố M và theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 thì Quyết định số 2611/QĐ – UBND ngày 18/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là quyết định cuối cùng. Các đương sự không khởi kiện đến Tòa án yêu cầu huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại nói trên và hiện nay thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính đã hết. Do đó, Quyết định số 2611/QĐ – UBND ngày 18/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có hiệu lực thi hành.

Như vậy, ông Trần Đăng B thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 49 Luật Đất đai 2003 (tương ứng với khoản 5 Điều 99 Luật Đất đai 2013).

Việc UBND thành phố M không thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đăng B là vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 61 Nghị định 43/2013/NĐ – CP. Vì vậy, nội dung đơn khởi kiện của ông Trần Đăng B là có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Trần Đăng B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1].Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206; Điều 358 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 49 Luật Đất đai 2003 (tương ứng với khoản 5 Điều 99 Luật Đất đai 2013); điểm a khoản 1 Điều 61 Nghị định 43/2013/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật đất đai 2013;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2].Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đăng B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố M phải thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đăng B theo Điều 3 Quyết định số 2611/QĐ – UBND ngày 18/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân